

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2020
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 01 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số nhà 28, tổ 6, khóm MT, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Lê Văn G, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Bình Phước, xã B, huyện CM, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 28, tổ 6, khóm MT, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Hồng C là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2003 và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hạnh phúc. Thời gian sau này phát sinh mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống. Nguyên nhân là do anh G đi

chơi bời, tham gia cờ bạc gây ra nợ nần nên giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn trầm trọng không giải quyết được thì vợ chồng ly thân hơn hai tháng nay. Trong thời gian ly thân thì anh G có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị C không đồng ý vì tình cảm trong chị giảm sút theo thời gian và đã hết. Nhận thấy không còn tình cảm, hôn nhân không đạt được hạnh phúc, chị C không muốn tiếp tục chung sống với anh G nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn G.

- Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Lê Trường Phú, sinh ngày 27/12/2004 và Lê Hồng Ngọc, sinh ngày 12/11/2007. Hiện nay con chung đang sống với cha mẹ. Khi ly hôn chị C yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Theo biên bản hòa giải ngày 03/3/2020, anh Lê Văn G là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh G thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nguyên nhân là do anh có đi chơi bời, tham gia cờ bạc gây ra nợ nần nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay anh G nhận thấy được lỗi lầm của mình, hứa sẽ thay đổi không tham gia cờ bạc, gây nợ nần nữa và anh còn thương vợ thương con nên nay anh G mong muốn được đoàn tụ gia đình, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C.

- Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Lê Trường Phú, sinh ngày 27/12/2004 và Lê Hồng Ngọc, sinh ngày 12/11/2007. Hiện nay con chung đang sống với cha mẹ. Khi ly hôn anh G đồng ý để con chung cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng và anh G không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

+ Trích lục khai sinh Lê Trường Phú và Lê Hồng Ngọc (bản sao);

+ Giấy CMND Lê Văn G và Sổ hộ khẩu (photo);

+ Đơn xin xác nhận nơi cư trú của chị Nguyễn Thị Hồng C đề ngày 21/10/2019 (bản chính);

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 03/3/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Hồng C có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Lê Văn G. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Lê Văn G là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp Bình Phước, xã B, huyện CM, tỉnh An Giang. Hiện nay anh G đang sinh sống tại địa chỉ: số nhà 28, tổ 6, khóm MT, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lê Văn G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C, anh G được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2003 và không có đăng ký kết hôn. Xét thấy chị C, anh G có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, đời sống chung giữa chị C và anh G phát sinh mâu thuẫn nên chị C yêu cầu ly hôn với anh G. Anh G thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nguyên nhân là do anh có đi chơi bời, tham gia cờ bạc gây ra nợ nần nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay anh G nhận thấy được lỗi làm của mình, hứa sẽ thay đổi không tham gia cờ bạc, gây nợ nần nữa và anh còn thương vợ thương con nên nay anh G mong muốn được đoàn tụ gia đình, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C. Tuy anh G không đồng ý ly hôn nhưng do chị C đã không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống với anh G mà nhất quyết ly hôn và anh G cũng không có biện pháp nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị C và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị C và anh G là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng thống nhất có hai con chung tên Lê Trường Phú, sinh ngày 27/12/2004 và Lê Hồng Ngọc, sinh ngày 12/11/2007. Khi ly hôn chị C yêu cầu được quyền nuôi hai con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Anh G đồng ý hai con chung tên Lê Trường Phú, sinh ngày 27/12/2004 và Lê Hồng Ngọc, sinh ngày 12/11/2007 cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng và anh G không cấp dưỡng nuôi con.

Do đó để hai con chung tên Lê Trường Phú, sinh ngày 27/12/2004 và Lê Hồng Ngọc, sinh ngày 12/11/2007 cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không có yêu cầu.

Anh G được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

** Về trách nhiệm chịu án phí:*

Chị Nguyễn Thị Hồng C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng C.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Hồng C và anh Lê Văn G là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Trường Phú, sinh ngày 27/12/2004 và Lê Hồng Ngọc, sinh ngày 12/11/2007. Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không có yêu cầu.

Anh G được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009548 ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL. Như vậy tiền án phí chị C đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp và UBND xã B, huyện CM, tỉnh An Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Nhã Quyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phước Tâm – Hồ Thị Mai Hương

Phan Thị Nhã Uyên